

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 785/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lai Trần Thế V, sinh năm 1989; thường trú: Số 10/7, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Mỹ T, sinh năm 1993; thường trú: Số 10/7, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 513, khu phố D, phường C, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

(Anh Lai Trần Thế V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Đặng Thị Mỹ T vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lai Trần Thế V trình bày:

Trước khi kết hôn, anh Lai Trần Thế V và chị Đặng Thị Mỹ T có thời gian tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01, cấp ngày 08/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ

chồng sinh sống tại địa chỉ số 10/7, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Anh V làm công nhân, lương mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Anh V và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Đến tháng 10/2018 thì chị T bỏ nhà đi, hiện nay anh V và chị T không còn sống chung và cũng không liên lạc với nhau. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Đặng Thị Mỹ T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh V và chị T có một con chung là Lai Thị Tố N, sinh ngày 03/7/2010, hiện con đang sống với anh V. Sau khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Đặng Thị Mỹ T:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai vào ngày 13/9/2019; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/10/2019; tham gia phiên tòa ngày 23/10/2019 và 13/11/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại bản tự khai ngày 23/8/2019, cháu Lai Thị Tố N trình bày:* Hiện ba mẹ cháu không còn sống chung. Mẹ cháu bỏ đi đã lâu, không về thăm cháu. Cháu N đang sống với ba. Nếu ba mẹ ly hôn, cháu Như muốn được sống với ba.

- *Ngày 05/9/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Lai Trần Thế V và chị Đặng Thị Mỹ T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường B và được cung cấp như sau:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường B không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa anh Lai Trần Thế V và chị Đặng Thị Mỹ T. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lai Trần Thế V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con với bị đơn chị Đặng Thị Mỹ T, chị T đăng ký thường trú tại địa chỉ số 10/7, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương và đang sinh sống tại địa chỉ số 513, khu phố D, phường C, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Lai Trần Thế V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Đặng Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lai Trần Thế V và chị Đặng Thị Mỹ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01, cấp ngày 08/01/2013 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo nguyên đơn anh V trình bày, giữa vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Anh V và chị T sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập chị T có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh V. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh V và chị T có một con chung là Lai Thị Tố N, sinh ngày 03/7/2010. Căn cứ vào lời khai của anh V thì từ khi chị T không sống cùng anh V, con chung vẫn do anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, theo lời khai của cháu Lai Thị Tố N cũng xác định ba mẹ cháu không còn sống chung, ba cháu là người đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cháu N có nguyện vọng được sống với ba nếu Tòa án giải quyết cho ba mẹ cháu ly hôn. Tòa án đã triệu tập chị T để trình bày ý kiến về con chung nhưng chị T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Xét cháu Lai

Thị Tô N đang sống ổn định với anh V, yêu cầu của anh V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con nên có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lai Trần Thế V phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lai Trần Thế V được ly hôn với chị Đặng Thị Mỹ T (Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01, ngày 08/01/2013 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương cấp).

2. Về con chung: Giao con chung Lai Thị Tố N, sinh ngày 03/7/2010 cho anh Lai Trần Thế V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lai Trần Thế V không yêu cầu chị Đặng Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Đặng Thị Mỹ T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, anh Lai Trần Thế V không được cản trở chị Đặng Thị Mỹ T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lai Trần Thế V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029039 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND phường B,  
thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Minh Trang**